



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 10 (từ 05/03 – 09/03/2018)



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

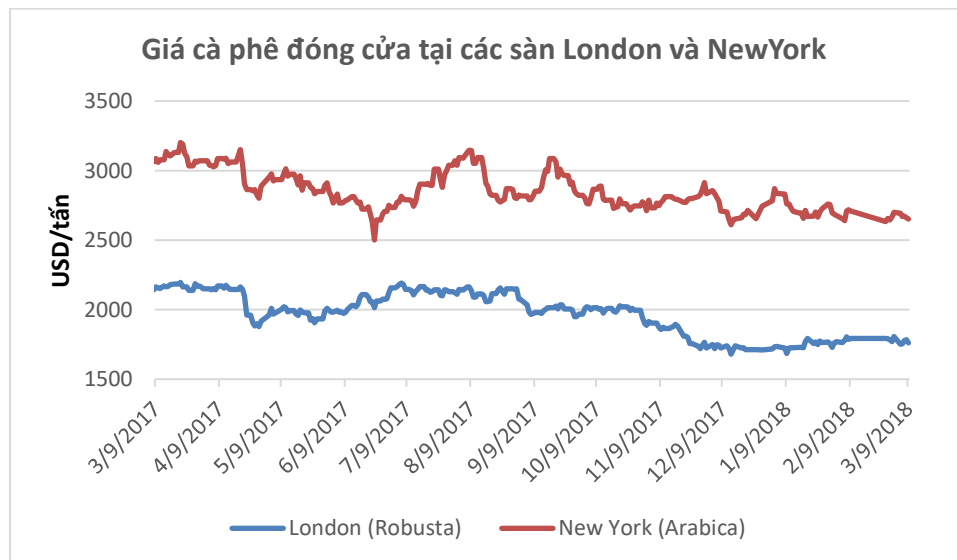
ĐIỂM TIN

Giá Robusta kỳ hạn tuần này giảm nhẹ so với tuần trước

Giá Arabica kỳ hạn tuần này tăng nhẹ so với tuần trước

Xuất khẩu cà phê trong tháng 02/2018 tại các nước Brazil, Colombia và Indonesia giảm, tại Honduras tăng

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.765,6 USD/tấn, giảm 23 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 17% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.785 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.751 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.670 USD/tấn, tăng 10 USD so với tuần trước và thấp



hơn 18% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.694 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.652 USD/tấn [1].

Bộ Công nghiệp, Ngoại thương và Dịch vụ Brazil (MDIC) cho biết, xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 2/2018 đạt 2,25 triệu bao, giảm 15,68% so với năm ngoái [4].

Liên đoàn người trồng cà phê Colombia (Fedecafe) cho biết, trong tháng 2/2018 nước này thu hoạch được 1,21 triệu bao cà phê, giảm 6% so với tháng 2/2017. Xuất khẩu cà phê Colombia trong tháng 2 cũng giảm 7% so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ đạt 1,09 triệu bao [4].

Xuất khẩu cà phê Indonesia trong tháng 02/2018 chỉ đạt 67.368 bao, giảm 72% so với năm ngoái (giảm 171.327 bao). Lũy kế xuất khẩu cà phê trong 5 tháng đầu niên vụ này của Indonesia chỉ đạt 671.716 bao, giảm 67,61% so với cùng kỳ niên vụ 2016/17 (giảm 1.401.973 bao) [2].

Viện Cà phê Quốc gia Honduras (IHCAFE) cho biết, xuất khẩu cà phê tháng 02/2018 của Honduras đạt 1,1 triệu bao, tăng 32% (tăng 267.635bao) so với cùng kỳ năm ngoái [2].



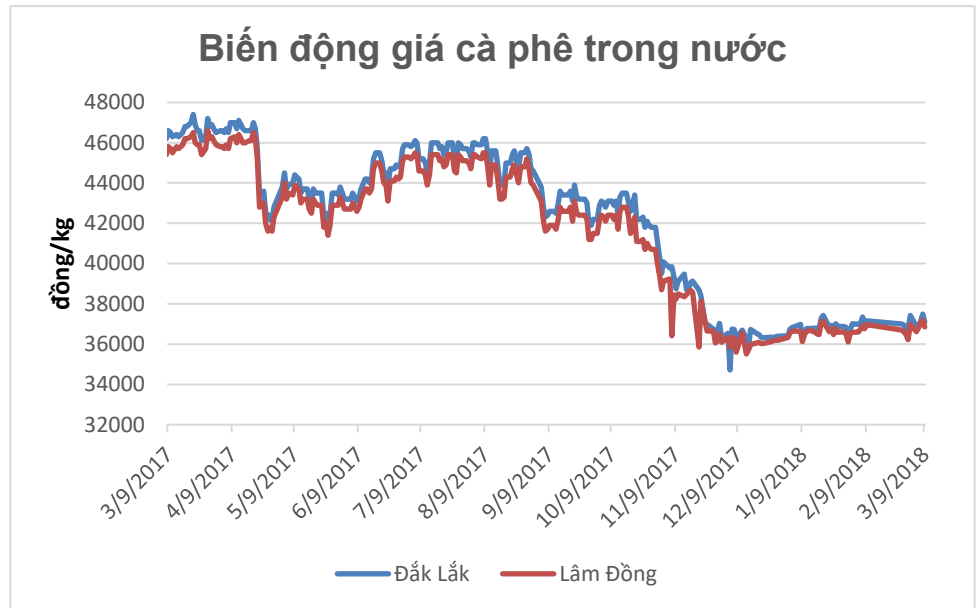
ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại Tây Nguyên tuần này tăng nhẹ

Giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng nhẹ theo xu hướng giá cà phê nội địa

Xuất khẩu cà phê Việt Nam trong tháng 2/2018 giảm 35% so với tháng trước

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 37.094 đ/kg, tăng 113 đồng so với tuần trước và vẫn thấp hơn 19% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 316 đồng đạt 36.908 đ/kg, vẫn thấp hơn 16,9% so với cùng kỳ năm 2017 [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này cũng tăng nhẹ, đạt 1.686 USD/tấn, tăng 1,3% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 19% so với cùng kỳ năm 2017 [7].

Theo tin từ cộng tác viên dự án VnSAT, cây cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên hiện nay đang trong giai đoạn ra hoa. Nông dân trồng cà phê tại đây đang tích cực chăm sóc và phòng trừ các dịch bệnh gây hại trong giai đoạn này nhằm đảm bảo năng suất cao cho cây cà phê trong niên vụ mới. Cụ thể, tại các tỉnh Đắc Lak và Lâm Đồng, các dịch bệnh chính như sâu đục thân gây ra tỷ lệ hại 6-21%, rệp sáp gây tỷ lệ hại 6-13%, rỉ sắt gây tỷ lệ hại 8-15%, khô cành, khô quả gây tỷ lệ hại 12-24%... [6].

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 2 Việt Nam đã xuất khẩu 129.893 tấn cà phê, tương đương 2,16 triệu bao



(loại 60 kg), giảm 35,3% so với tháng trước đó [7]. Theo dự báo của các thương nhân trong nước, xuất khẩu cà phê tháng 3/2018 của Việt Nam sẽ tăng lên, đạt 150.000 – 170.000 tấn, tương đương 2,5 – 2,8 triệu bao (loại 60 kg) [8].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://greencoffeeassociation.org/>
- [4]. <https://scasa.co.za/blogs/market-reports>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>
- [9]. <https://tintaynguyen.com/nong-nghiep/>
- [10]. Reuters



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xôvối)	37.000	37.000	37.400	37.900	37.200	273
Ea H'leo (xôvối)	36.867	36.800	37.067	37.233	37.000	240
Krông Năng (xôvối)	36.833	36.833	37.033	37.433	37.100	53
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xôvối)	37.500	37.500	37.900	38.400	37.700	240
Ea H'leo (xôvối)	37.400	37.400	37.700	37.800	37.600	200
Krông Năng (xôvối)	37.100	37.100	37.300	37.700	37.300	60
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	36.500	36.500	36.900	37.100	36.800	400
Lâm Hà (xôvối)	36.800	36.900	37.200	37.350	36.900	240
Đà Lạt (xôchè)	48.667	48.667	49.667	48.500	49.000	-567
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	37.000	37.000	37.400	37.600	37.300	400
Lâm Hà (xôvối)	37.300	37.400	37.700	37.850	37.400	275
Đà Lạt (xôchè)	50.667	50.667	51.667	50.667	50.250	-650
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	36.750	36.750	37.050	38.700	36.650	190
Đắk R'lấp (xôvối)	36.767	36.733	37.133	37.333	36.833	93
Đắk Song (xôvối)	36.850	36.850	37.250	37.450	36.950	80
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	37.150	37.150	37.400	37.800	37.050	80
Đắk R'lấp (xôvối)	36.975	37.067	37.467	37.667	37.167	77
Đắk Song (xôvối)	37.167	37.200	37.600	37.800	37.250	78



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xôvối)	36.667	36.700	37.200	37.233	36.733	260
Pleiku (xôvối)	36.833	36.833	37.300	37.533	36.900	300
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xôvối)	36.767	36.800	37.333	37.367	36.833	260
Pleiku (xôvối)	36.967	36.967	37.433	37.633	37.033	287
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xôvối)	36.622	36.811	37.067	37.183	36.856	316
Đắk Hà (xôvối)	36.791	36.817	37.136	36.221	36.905	33
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xôvối)	37.133	37.344	37.589	37.706	37.378	327
Đắk Hà (xôvối)	37.126	37.172	37.488	37.743	37.248	263

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO@NFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn